

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/DS-ST

Ngày: 21/9/2021

*V/v Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất và Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất vô hiệu*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mậu và bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột tham gia phiên
tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLST-DS ngày 19/3/2018 về việc “Kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXX - ST ngày 24/5/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Trường Đ- Sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: 117 MTB, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Ông Trần Đức H- Sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 08 THD, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Ông Trần Duy H1- Sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 52/99 HTM, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Bà Đặng Thanh Q (có mặt)

Địa chỉ: 18/8 NQ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Doãn L- Sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 09 LTT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Doãn Linh : Bà Nguyễn Thị H2 - Sinh năm: 1995. (có mặt)

Địa chỉ: 164 PCT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Doãn X. (vắng mặt)

Địa chỉ: 09 LTT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Ông Nguyễn Doãn L1 (vắng mặt)

Địa chỉ: 09 LTT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1/ Đối với đơn khởi kiện của ông Trần Duy H1:

Ngày 04/4/2012 ông Nguyễn Doãn L có chuyển nhượng cho ông Trần Duy H1 02 thửa đất liền kề nhau, mỗi thửa có diện tích $5m \times 20m = 100m^2$, tổng diện tích hai thửa là $200m^2$; diện tích đất này thuộc thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, có diện tích $3.864m^2$ đất nông nghiệp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869506 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 cho hộ ông Nguyễn Doãn L. Đất tọa lạc tại phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột. Giá chuyển nhượng một thửa là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), hai thửa là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Bên nhận chuyển nhượng chịu tiền thuế, lệ phí. Sau khi lập hợp đồng thì ông Hai đã trả đủ tiền cho ông L và ông L đã bàn giao đất cho ông H1 quản lý từ đó cho đến nay. Tuy nhiên ông L không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận, không bàn giao giấy tờ để làm thủ tục tách thửa, sang tên cho ông H1.

Nay ông H1 yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/4/2012 giữa ông Trần Duy H1 và ông Nguyễn Doãn L.

2/ Đối với đơn khởi kiện của ông Trần Đức H

Ngày 15/11/2012 ông Nguyễn Doãn L có chuyển nhượng cho ông Trần Đức H 02 thửa đất liền kề nhau, mỗi thửa có diện tích $5m \times 20m = 100m^2$, tổng diện tích 02 thửa là $200m^2$; diện tích đất này thuộc thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, có diện tích $3.864m^2$ đất nông nghiệp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869506 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 cho hộ ông Nguyễn Doãn L. Đất tọa lạc tại phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột. Giá chuyển nhượng một thửa là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), hai thửa là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Bên nhận chuyển nhượng chịu tiền thuế, lệ phí. Sau khi lập hợp đồng thì ông Hòa đã trả đủ tiền cho ông L và ông L đã bàn giao đất cho ông H quản lý từ đó cho đến nay. Tuy nhiên ông Linh không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận, không bàn giao giấy tờ để làm thủ tục tách thửa, sang tên cho ông H.

Nay ông H yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 15/11/2012 giữa ông Trần Đức H và ông Nguyễn Doãn L.

3/ Đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trường Đ

Ngày 15/11/2012 ông Nguyễn Doãn L có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường Đ 01 thửa đất có diện tích $5m \times 20m = 100m^2$, diện tích đất này thuộc thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, có diện tích $3.864m^2$ đất nông nghiệp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869506 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 cho hộ ông Nguyễn Doãn L. Đất tọa lạc tại phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột. Giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Bên nhận chuyển nhượng chịu tiền thuê, lệ phí. Sau khi lập hợp đồng thì ông Đ đã trả đủ tiền cho ông L và ông L đã bàn giao đất cho ông Đ quản lý từ đó cho đến nay. Tuy nhiên ông L không thực hiện đúng nội dung thỏa thuận, không bàn giao giấy tờ để làm thủ tục tách thửa, sang tên cho ông Đ.

Nay yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 15/11/2012 giữa ông Nguyễn Trường Đ và ông Nguyễn Doãn L.

Theo đơn kiện phản tố và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Doãn L như sau:

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, ông Nguyễn Doãn L khẳng định bản thân không thực hiện bất kỳ giao dịch chuyển nhượng mua bán nào với các ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H, Trần Duy H 1 đối với diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869506 do UBND TP. Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Doãn L. Mặt khác diện tích đất chuyển nhượng có tứ cận và diện tích trong hợp đồng chuyển nhượng không phải đất của ông Nguyễn Doãn L mà là đất của ông Nguyễn Doãn X (bố ông L)

Thời điểm năm 2012, ông Nguyễn Doãn L đang làm ăn tại TP Hồ Chí Minh, không có mặt tại Đắk Lắk nên không quen biết các ông H1, H, Đ và cũng không có việc ông L nhận tiền và giao đất cho các ông H1, H, Đ quản lý, sử dụng.

Nay các ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H 1, Trần Duy H yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên là không có căn cứ, ông L không đồng ý vì ông L không kí các hợp đồng chuyển nhượng nói trên. Đồng thời ông L có đơn kiện phản tố yêu cầu Tòa án tuyên bố tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Doãn X trình bày:

Tôi là chủ sử dụng đất thửa đất số 97, tờ bản đồ số 20, diện tích $7836 m^2$, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 349745 do UBND TP. Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Doãn X. Năm 2012 tôi về TP Hồ Chí Minh sinh sống với con tại TP Hồ Chí Minh, sau này con tôi nói có người xây tường trên đất của tôi nhưng tôi không biết là ai xây, bản thân tôi không chuyển nhượng đất cho ông H1 ông Đ và ông H bản thân tôi cũng không nhận tiền chuyển

nhượng của ông H1, ông Đ và ông H, nay con tôi là Nguyễn Doãn L khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu tôi đồng ý. Do tuổi cao sức yếu nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

Đối với ông Nguyễn Doãn L1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 424, 425, Điều 697, Điều 698, Điều 699, 700, 701, 702 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H1, Trần Duy H yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2/ Chấp nhận đơn kiện phản tố của bị đơn ông Nguyễn Doãn L.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/4/2012 giữa ông Trần Duy H và ông Nguyễn Doãn L vô hiệu. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 15/11/2012 giữa ông Trần Đức H1 và ông Nguyễn Doãn L vô hiệu. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 15/11/2012 giữa ông Nguyễn Trường Đ và ông Nguyễn Doãn L vô hiệu. Ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H 1, Trần Duy H có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Doãn X 500m² tại phường Tân Lợi, Tp Buôn Ma Thuột.

Ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H 1, Trần Duy H được quyền khởi kiện hậu quả hợp đồng vô hiệu bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 04/4/2012 ông Nguyễn Doãn L có chuyển nhượng cho ông Trần Duy H 02 thửa đất liền kề nhau, mỗi thửa có diện tích 5m x 20m = 100m², tổng diện tích hai thửa là 200m²; giá chuyển nhượng là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Ngày 15/11/2012 ông Nguyễn Doãn L có chuyển nhượng cho ông Trần Đức H 02 thửa đất liền kề nhau, mỗi thửa có diện tích 5m

x20m = 100m², tổng diện tích 02 thửa là 200m²; Giá chuyển nhượng là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Ngày 15/11/2012 ông Nguyễn Doãn Linh có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường Đ 01 thửa đất có diện tích 5mx20m=100m², giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng các hợp đồng chuyển nhượng đất có ghi thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, có diện tích 3.864m² đất nông nghiệp, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869506 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 cho hộ ông Nguyễn Doãn L đất tọa lạc tại phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột. Quá trình sử dụng đất ông Linh không thực hiện hoàn tất hợp đồng nên ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H1, Trần Duy H yêu cầu Tòa án công nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Doãn L trình bày hoàn toàn không biết ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H, Trần Duy H là ai và ông cũng không chuyển nhượng đất cho Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H, Trần Duy H, diện tích chuyển nhượng trong hợp đồng tại thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, ông vẫn đang quản lý và sử dụng, nay ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H, Trần Duy H yêu cầu Tòa án công nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông không đồng ý và có đơn kiện phản tố yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

HĐXX xét thấy: Căn cứ kết luận giám định số 141/PC09 ngày 31/12/2019 của phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Đắk Lắk kết luận. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Doãn L và ông Trần Đức H1 ký ngày 15/12/2012; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Doãn L và ông Nguyễn Trường Đ ký ngày 15/12/2012; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Doãn L và ông Trần Duy H ký ngày 4/4/2012 là không phải chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Doãn L ký và viết ra. Như vậy ông Nguyễn Doãn L không ký hợp đồng chuyển nhượng, diện tích đất theo hợp đồng chuyển nhượng ông Nguyễn Doãn L vẫn đang quản lý sử dụng việc ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H1, Trần Duy H yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Do vậy cần bác đơn khởi kiện yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Nguyễn Trường Đ, ông Trần Đức H1, Trần Duy H.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Doãn L, HĐXX xét thấy ông Nguyễn Doãn L không chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H1, Trần Duy H và cũng không nhận tiền (02 tỷ đồng như trong các hợp đồng chuyển nhượng) do vậy việc ông L kiện phản tố yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu là có căn cứ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Doãn L.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do hợp đồng không phát sinh hiệu lực và không có việc giao nhận tiền và đất giữa ông Đ, ông H1, ông H và ông L nên không phát sinh hậu quả của hợp đồng, bị đơn có đơn kiện độc lập nhưng không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng. Tuy nhiên về số tiền 02 tỷ đồng trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quá trình điều tra Tòa án đã tiến hành

xác minh chứng minh nhân dân được ghi trong hợp đồng chuyển nhượng đất xác định là của ông Nguyễn Doãn L1, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Doãn L1 không lên làm việc để làm rõ sự thật khách quan trong vụ án, tại bản kết luận giám định số 110/PC09 ngày 27/7/2021 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ viết, chữ ký trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều do ông Nguyễn Doãn L1 ký và viết ra, như vậy ông Nguyễn Doãn L1 đã thông tin sai sự thật để chuyển nhượng đất giữa ông Đ, ông H, ông H1 là giao dịch bị lừa dối, ông L1 không có đất bán mà lại lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L (anh trai) bán và giao đất của ông X (bồ đề, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 20, diện tích 7836 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 349745 do UBND TP. Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Doãn X) cho ông Đ, ông H, ông H1 lấy số tiền 02 tỷ đồng, hiện nay diện tích đất các nguyên đơn đang quản lý, quá trình giải quyết vụ án và ông Nguyễn Doãn X không khởi kiện độc lập và các nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do vậy ông Nguyễn Trương Đ, Trần Đức H 1, Trần Duy H và ông Nguyễn Doãn X được quyền khởi kiện hậu quả hợp đồng vô hiệu bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Về công văn số 214/CV-TA ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột về việc đề nghị Tạm dừng giao dịch đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, diện tích 3864 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869506 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 cho hộ ông Nguyễn Doãn L là không phù hợp theo quy định của pháp luật do vậy cần hủy bỏ.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 121, 124, 127, 137, 697, 698, 699, 700, 701, 702 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Trần Đức H yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 15/11/2012 giữa ông Trần Đức H và ông Nguyễn Doãn L.

Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trương Đ yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 15/11/2012 giữa ông Nguyễn Trương Đ và ông Nguyễn Doãn L.

Bác đơn khởi kiện của Trần Duy H 1 yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/4/2012 giữa ông Trần Duy H 1 và ông Nguyễn Doãn L.

Chấp nhận đơn khởi kiện đơn kiện phản tố của ông Nguyễn Doãn L: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Trần Duy H và ông Nguyễn Doãn L ký ngày 04/4/2012; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Trần Đức H 1 và ông Nguyễn Doãn L ký ngày 15/11/2012; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Nguyễn Trường Đ và ông Nguyễn Doãn L ký ngày 15/11/2012. Các hợp đồng chuyển nhượng đất có ghi thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, có diện tích 3.864m² đất nông nghiệp, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869506 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 cho hộ ông Nguyễn Doãn L là **Vô Hiệu**.

Ông Nguyễn Trường Đ, Trần Đức H, Trần Duy H 1 và ông Nguyễn Doãn X được quyền khởi kiện hậu quả hợp đồng vô hiệu bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

Hủy bỏ công văn số 214/CV-TA ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột về việc đề nghị tạm dừng giao dịch đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 97A, tờ bản đồ số 20, diện tích 3864 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 869506 do UBND TP Buôn Ma Thuột cấp ngày 21/3/2003 cho hộ ông Nguyễn Doãn L.

2. Về án phí: ông Nguyễn Trường Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003351 ngày 14/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP.Buôn Ma Thuột.

Ông Trần Đức H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003349 ngày 14/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP.Buôn Ma Thuột.

Ông Trần Duy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003350 ngày 14/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP.Buôn Ma Thuột.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Doãn L số tiền 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004899 ngày 30/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự TP.Buôn Ma Thuột.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trường Đ, ông Trần Đức H, ông Trần Duy H1 phải chịu 6.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng sau khi thu được của ông Nguyễn Trường Đ, ông Trần Đức H, ông Trần Duy H1 cho ông Nguyễn Doãn L. (mỗi người nộp 2.000.000 đồng)

Ông Nguyễn Trường Đ , Trần Đức H , Trần Duy H 1 liên đới phải chịu 5.040.000 đồng chi phí giám định chữ viết chữ ký, hoàn trả số tiền 5.040.000 đồng sau khi thu được của ông Nguyễn Trường Đ , Trần Đức H , Trần Duy H 1 cho ông Nguyễn Doãn L. (mỗi người phải chịu 1.680.000 đồng)

Ông Trần Duy H phải chịu 5.670.000 đồng chi phí giám định chữ viết, chữ ký được khấu trừ số tiền đã nộp tại Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Kiên

